

BIDV (BID)

Nâng vốn điều lệ tăng 25.8% thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

14/12/2021

3Q2021, LNTT đạt 2,674 tỷ VND, giảm 1.1% YoY

3Q2021, tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của BID có phần chững lại do ảnh hưởng của dịch bệnh. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 12,205 tỷ VND (-5.6% QoQ, +33.5% YoY) và LNTT 3Q2021 đạt 2,674 tỷ VND (-42.7% QoQ, -1.1% YoY).

NIM 3Q2021 đạt 3.05%, giảm 1bps QoQ

NIM 3Q2021 đi ngang so với quý trước, đạt 3.05% (-1 bps QoQ, +72 bps YoY) với chi phí đầu vào bình quân tiếp tục duy trì mức thấp, đạt 3.62% (+0 bps QoQ) và lãi suất bình quân đầu ra giảm nhẹ 2bps QoQ, đạt 6.45% đến từ các chính sách giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng Covid-19 của BID.

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2021 đạt 1.61%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 140.2%

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2021 đi ngang so với 2Q2021, đạt 1.61% (-2bps QoQ). Trong kỳ, BID tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng 7,502 tỷ VND (+30.3% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 140.2% (+792bps QoQ), cao thứ 5 trong hệ thống các ngân hàng theo dõi của KBSV.

BID phát hành 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức 2019-2020, nâng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND

Mới đây, BIDV trình cổ đông phương án phát hành gần 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và 2020 qua đó tăng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND. Lượng cổ phiếu được phát hành theo phương án này tương đương 25.77% lượng cổ phiếu hiện hành, cao hơn kế hoạch đề ra đầu năm là 12.2%.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ**, giá mục tiêu 51,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 51,600 VND/cp, cao hơn 13.4% so với giá tại ngày 13/12/2021.

Nắm giữ

Giá mục tiêu VND 51,600

Tăng/Giảm	14.9%
Giá hiện tại (13/12/2021)	VND 45,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 45,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	183,002

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	83.2/3.7
Sở hữu nước ngoài (%)	17.15%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.98%)

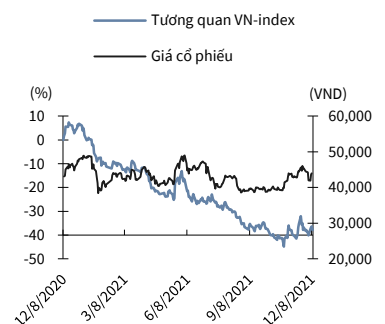
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	11	-2	5
Tương đối	2	1	-9	-38

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,978	35,797	46,551	48,683
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	30,864	32,344	42,247	44,771
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,368	6,997	10,711	14,143
EPS (VND)	2,081	1,740	2,375	2,915
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	37%	23%
PER (x)	20.8	24.9	18.2	14.9
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	19,235	20,701
PBR (x)	2.24	2.19	2.25	2.09
ROE (%)	12.9%	9.2%	12.9%	15.2%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

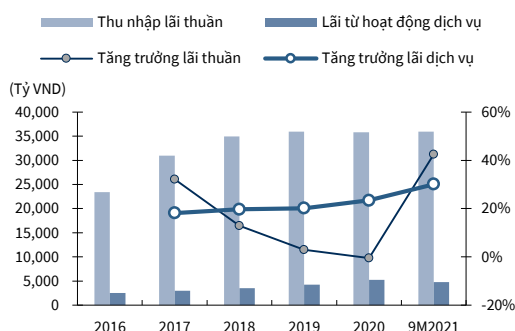
3Q2021, LNTT đạt 2,674 tỷ VND, giảm 1.1% YoY

3Q2021, tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của BID có phần chững lại do ảnh hưởng của dịch bệnh. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 12,205 tỷ VND (-5.6% QoQ, +33.5% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 3,042 tỷ VND (-30.3% QoQ, -6.3% YoY) khiến TOI đạt 15,247 tỷ VND (-11.8% QoQ, +23% YoY). CIR có dấu hiệu tăng, đạt 33.3% (+950 bps QoQ, +153 bps YoY) trong khi đó chi phí trích lập dự phòng ở mức cao so với cùng kỳ (+30.3% YoY) khiến cho LNTT 3Q2021 đạt 2,674 tỷ VND (-42.7% QoQ, -1.1% YoY). Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 30/11/2021 đạt 9.8% Ytd, dư địa tăng còn khoảng 2.2% so với mức trần tín dụng mới được NHNN nâng là 12%.

NIM 3Q2021 đạt 3.05%, giảm 1bps QoQ

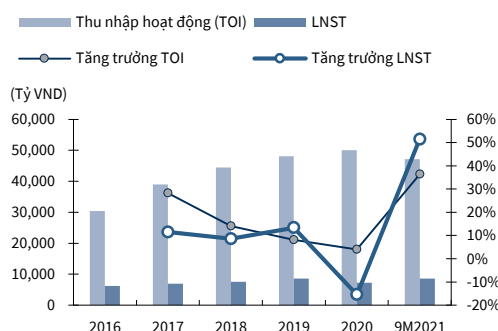
NIM 3Q2021 đi ngang so với quý trước, đạt 3.05% (-1 bps QoQ, +72 bps YoY) với chi phí đầu vào bình quân tiếp tục duy trì mức thấp, đạt 3.62% (+0 bps QoQ) và lãi suất bình quân đầu ra giảm nhẹ 2bps QoQ, đạt 6.45% đến từ các chính sách giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng Covid-19 của BID.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2016-2Q2021 (YoY)



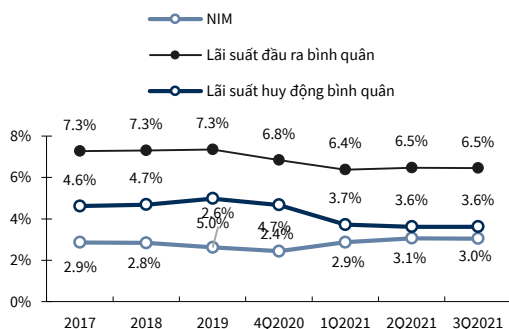
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2016-2Q2021 (YoY)



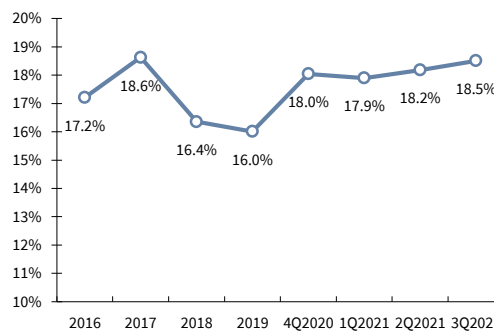
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Biến động lãi suất - NIM giai đoạn 2017-3Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của BID giai đoạn 2016 - 2Q2021

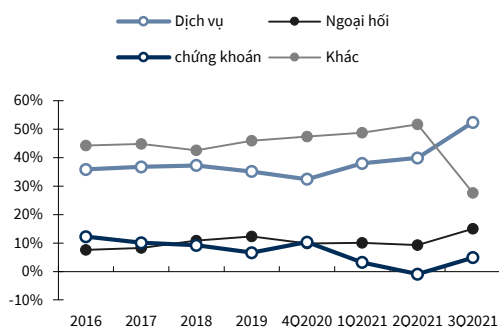


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

NOII 3Q2021 đạt 3,042 tỷ VND, giảm 6.3% YoY

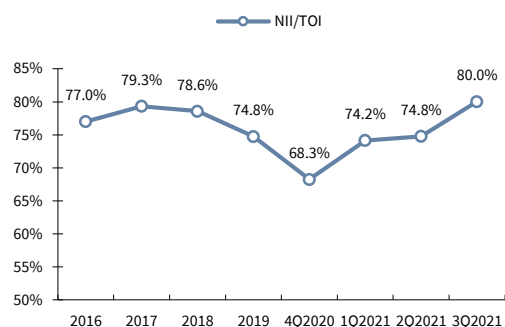
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tiếp tục được cải thiện, tăng 16.6% YoY; lãi từ hoạt động FX tăng nhẹ 4.4% YoY trong khi lãi từ hoạt động đầu tư – kinh doanh chứng khoán đạt 149 tỷ VND, giảm 62.6% YoY và thu nhập từ hoạt động khác đạt 794 tỷ VND, giảm 20.8% YoY khiến NOII 3Q2021 đạt 3,042 tỷ VND, giảm 6.3% YoY. NII/TOI đạt 80.0%, là mức cao nhất trong các năm gần đây.

Biểu đồ 5. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2016-2Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

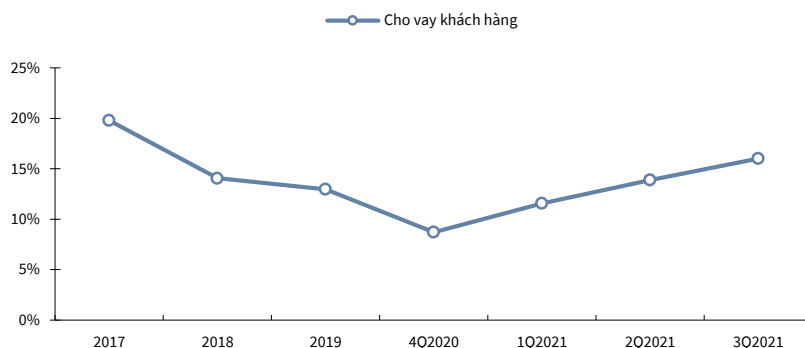
Biểu đồ 6. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ thu nhập hoạt động 2016-2Q2021



Nguồn: Báo cáo công ty, KB Securities Vietnam

Động lực tăng trưởng tín dụng đến từ khối khách hàng doanh nghiệp lớn (+17.9% Ytd) và khối khách hàng cá nhân (+14.3% Ytd), trong khi đó dư nợ khối SME suy giảm (-8.8% Ytd)

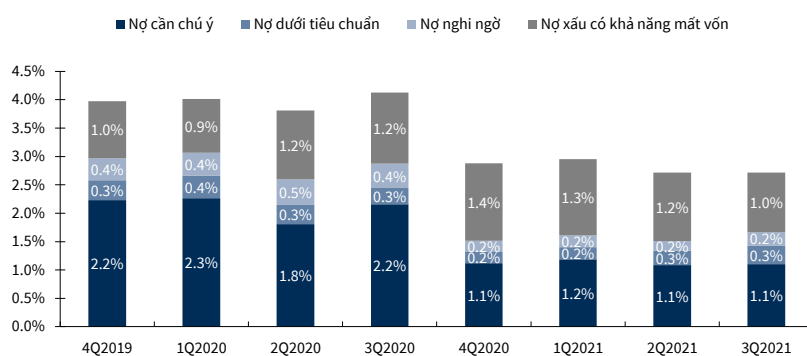
Biểu đồ 7. Tăng trưởng tín dụng 2017-2021 (YoY)



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.61% giảm 2bps QoQ. Dư nợ tái cơ cấu tăng 86% so với tháng 8/2021

Tỷ lệ nợ xấu 3Q2021 đi ngang so với 2Q2021, đạt 1.61% (-2bps QoQ) với nợ nhóm 2 không đổi, nợ nhóm 3 và 4 đều tăng 7bps QoQ trong khi nợ nhóm 5 giảm 17bps QoQ. Trong kì, BID tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng 7,502 tỷ VND (+30.3% YoY), qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 140.2% (+792bps QoQ), cao thứ 5 trong hệ thống các ngân hàng theo dõi của KBSV. Mặc dù vậy, dư nợ tái cơ cấu có xu hướng tăng, đạt khoảng 25,000 tỷ VND (1.9% tổng dư nợ), tăng 86% so với đầu tháng 8/2021.

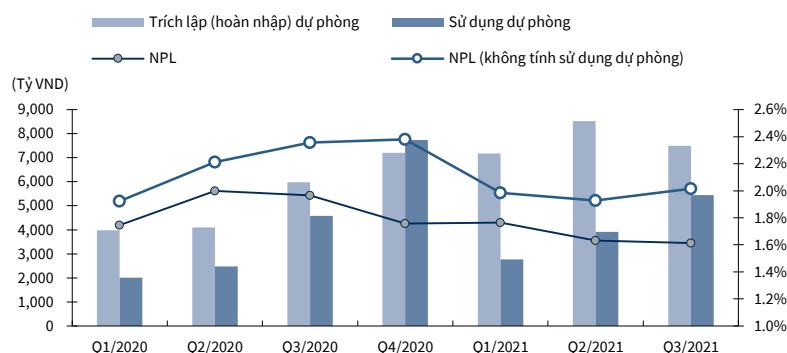
Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của BID giai đoạn 2019-2Q2021

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 11. NPL – trích lập dự phòng 2Q2019 – 2Q2021

BID thực hiện trích lập dự phòng ở mức cao so với các quý gần đây

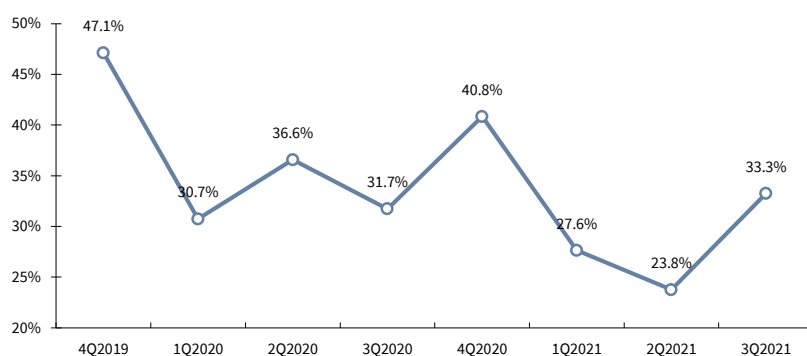
Trong 3Q2021, BID đẩy mạnh sử dụng dự phòng để xử lý nợ là nguyên nhân chính khiến tỷ lệ NPL vẫn duy trì ở mức thấp mặc dù chất lượng tài sản bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 12. Tỷ lệ CIR của BID giai đoạn 2016-2Q2021

CIR 3Q2021 đạt 33.3%, tăng 9.5% điểm QoQ, nhiều khả năng CIR sẽ tiếp tục ở mức cao trong 4Q2021 do BID có xu hướng chi trả chi phí cao trong 4Q.



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

BID phát hành 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức 2019-2020, nâng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND

Mới đây, BIDV trình cổ đông phương án phát hành gần 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và 2020, thời gian phát hành dự kiến trong năm 2021-2022, qua đó tăng vốn điều lệ lên hơn 50,585 tỷ VND. Lượng cổ phiếu được phát hành theo phương án này tương đương 25.77% lượng cổ phiếu hiện hành, cao hơn kế hoạch đề ra đầu năm là 12.2% bao gồm 5.2% cho cổ tức năm 2019 và 7% năm 2020. Hội đồng quản trị thống nhất ngày 24/12/2021 là ngày đăng kí cuối cùng để chi trả cổ tức cổ phiếu cùng với 2% cổ tức tiền mặt của năm 2020.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2021

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho BID trong năm 2021 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng đạt 11.4% trong năm 2021 khi các doanh nghiệp đẩy mạnh vay nợ để hồi phục sau dịch Covid-19 và BID được thông qua nới trần tín dụng.
- Chúng tôi ước tính NIM 2021 tăng 53bps YoY, đạt 2.96%.
- Dự phóng NPL đạt 1.65%, giảm 150bps QoQ so với dự phóng cũ khi BID vẫn đẩy mạnh hoạt động xử lý nợ bằng nguồn dự phòng.
- Chi phí trích lập dự phòng dự kiến đạt 28,790 tỷ VND, tăng 10.1% so với dự phóng cũ phản ánh chất lượng tài sản đi xuống do ảnh hưởng của dịch bệnh trong 3Q2021.
- Chúng tôi dự báo LNST năm 2021 đạt 10,765 tỷ VND, tăng 49.0% YoY, điều chỉnh tăng 10.5% so với dự phóng cũ phản ánh NIM và tăng trưởng tín dụng cao hơn so với dự phóng cũ.
- Chúng tôi dự báo LNST năm 2022 đạt 14,213 tỷ VND, tăng 32.0% YoY phản ánh nhu cầu vay tăng mạnh sau dịch cùng chất lượng tài sản được cải thiện.

Bảng 12. Dự phóng KQKD 2021 -2022

	2020	2021F	2022F	% YoY 2021	%YoY 2022
Thu nhập lãi thuần	35,797	46,551	48,683	30%	5%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5,266	5,886	6,440	12%	9%
Tổng thu nhập hoạt động	50,037	61,227	64,885	22%	6%
Chi phí trích lập dự phòng	(23,318)	(28,790)	(27,004)	23%	-6%
Lợi nhuận sau thuế	7,224	10,765	14,213	49.0%	32.0%
NIM	2.43%	2.96%	2.80%	53bps	-16bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.84%	6.43%	6.58%	-41bps	16bps
Lãi suất đầu vào bình quân	4.67%	3.63%	3.90%	-104bps	27bps
CIR	35.4%	31.0%	31.0%	-436bps	0bps
NPL	1.76%	1.65%	1.75%	-11bps	10bps
Tổng tài sản	1,516,686	1,695,204	1,851,923	12%	9%
Vốn chủ sở hữu	79,647	86,750	100,422	9%	16%

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá 51,600 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu BID.

(1) Phương pháp định giá P/B

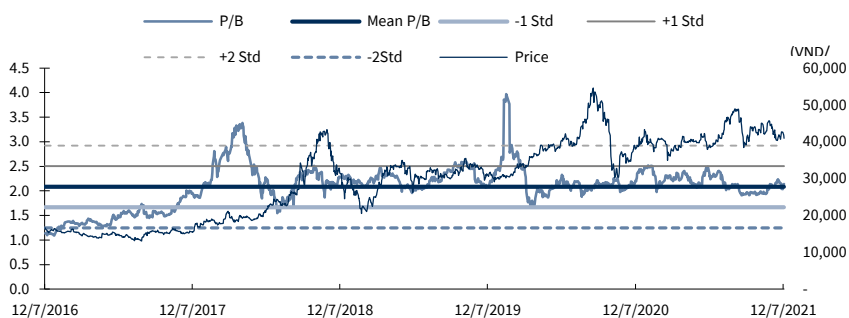
Với triển vọng tích cực trong năm 2022, chúng tôi đưa ra P/B mục tiêu của BID là 2.5x, tương đương độ lệch chuẩn +1 của trung bình P/B 5 năm của BID (Biểu đồ 13).

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu

lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.
 Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng của cổ phiếu BID cho năm 2022 là 51,600 đồng/cổ phiếu, cao hơn 13.4% so với giá ngày 13/12/2021.

Biểu đồ 13. Diễn biến giá và chỉ số P/B của BID giai đoạn 2016-2021



Nguồn: Fiinpro KBSV

Bảng 14. Cổ phiếu BID – Định giá phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2021F	2022F	2023F
Lợi nhuận sau thuế	10,765.13	14,213.28	17,909.69
Lợi nhuận thặng dư	1,363.72	3,638.08	5,774.47
Chi phí vốn (r)	11.30%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	77,691.02		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	164,232.24		
Giá trị cổ phiếu BID	40,833.3		

Nguồn: KBSV

Bảng 15. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	62,420	50%	31,210
Lợi nhuận thặng dư	40,833	50%	20,417
Giá mục tiêu			51,600

Nguồn: KBSV

Ngân hàng BIDV (BID) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2018A-2022E

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F	2022F	(Tỷ đồng)	2018	2019	2020E	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần	34,956	35,978	35,797	46,551	48,683	Cho vay khách hàng	976,334	1,102,366	1,195,240	1,331,891	1,475,169
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	90,074	100,747	100,688	101,158	114,636	Chứng khoán kinh doanh	674	6,346	10,170	6,564	7,286
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(55,118)	(64,769)	(64,891)	(54,607)	(65,954)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	10,508	14,117	12,294	15,362	17,052
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3,551	4,266	5,266	5,886	6,440	Tài sản có sinh lời	1,285,204	1,458,152	1,485,093	1,662,295	1,819,835
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	3,815	5,361	5,093	5,883	6,765	Tài sản cố định và tài sản khác	38,001	39,206	38,919	41,280	44,472
Tổng thu nhập hoạt động	44,483	48,121	50,037	61,227	64,885	Tổng tài sản	1,313,038	1,489,957	1,516,686	1,695,204	1,851,923
Chi phí hoạt động	(16,117)	(17,257)	(17,693)	(18,980)	(20,114)	Tiền gửi của khách hàng	989,671	1,114,163	1,226,674	1,353,940	1,502,873
LN thuần trước CF DPRRTD	28,366	30,864	32,344	42,247	44,771	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	52,288	75,159	76,090	137,713	152,583
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(18,894)	(20,132)	(23,318)	(28,790)	(27,004)	Các khoản nợ chịu lãi	1,226,454	1,374,765	1,402,248	1,603,044	1,779,116
Thu nhập khác	5,337	6,518	7,993	9,192	10,570	Các khoản nợ khác	32,032	37,540	34,792	5,411	(27,615)
Chi phí khác	(1,522)	(1,157)	(2,900)	(3,309)	(3,805)	Tổng nợ phải trả	1,258,486	1,412,304	1,437,039	1,608,455	1,751,501
Tổng lợi nhuận trước thuế	9,473	10,732	9,026	13,456	17,767	Vốn điều lệ	34,187	40,220	40,220	45,100	48,510
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,931)	(2,184)	(1,803)	(2,691)	(3,553)	Thặng dư/vốn cổ phần	30	14,292	14,292	14,292	14,292
LNST	7,542	8,548	7,224	10,765	14,213	Lợi nhuận chưa phân phối	12,341	13,857	13,517	15,741	26,002
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(184)	(179)	(227)	(54)	(71)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	7,358	8,368	6,997	10,711	14,143	Vốn chủ sở hữu	54,551	77,653	79,647	86,750	100,422

Chỉ số tài chính (%)	2018	2019	2020E	2021F	2022F	Định giá (đồng, X, %)	2018	2019	2020E	2021F	2022F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	14.6%	12.9%	9.2%	12.9%	15.2%	EPS cơ bản	2,152	2,081	1,740	2,375	2,915
ROA	0.6%	0.6%	0.5%	0.7%	0.8%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,957	19,307	19,803	19,235	20,701
ROE trước dự phòng	43.8%	37.3%	32.9%	40.6%	38.3%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	14,695	18,235	18,744	18,267	19,810
ROA trước dự phòng	1.8%	1.8%	1.7%	2.1%	2.0%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.8%	2.6%	2.4%	3.0%	2.8%	PER	20.1	20.8	24.9	18.2	14.9
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.7	2.2	2.2	2.3	2.1
LDR thuần	99.9%	100.3%	99.0%	100.0%	100.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	1.8%	1.8%	1.8%	1.8%
CIR	36.2%	35.9%	35.4%	31.0%	31.0%	ROE	14.6%	12.9%	9.2%	12.9%	15.2%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	9.2%	13.5%	1.8%	11.8%	9.2%	Tỉ lệ an toàn vốn (CAR)	10.0%	9.3%	10.0%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	14.1%	12.9%	8.4%	11.4%	10.8%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	20.6%	8.8%	4.8%	30.6%	6.0%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.9%	1.7%	1.8%	1.7%	1.8%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	8.4%	13.7%	-16.4%	53.1%	32.0%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	66.2%	75.0%	89.2%	98.7%	105.3%
Tăng trưởng EPS	8.4%	-3.3%	-16.4%	36.5%	22.8%	SML (nợ xấu và nợ cần chú ý)	4.2%	4.0%	2.9%	2.8%	2.9%
Tăng trưởng BVPS	11.7%	21.0%	2.6%	-2.9%	7.6%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	29.8%	32.9%	54.4%	59.2%	64.7%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Ví mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Ví mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.